

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định đối tượng, một số mức chi, mức hỗ trợ từ nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Kon Tum

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016- 2020;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng: số 02/2017/TT-BXD ngày 01 tháng 3 năm 2017 hướng dẫn quy hoạch xây dựng nông thôn; số 05/2017/TT-BXD ngày 05 tháng 4 năm 2017 hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 05/2017/TT-BNNPTNT ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đối tượng, một số mức chi, mức hỗ trợ từ nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2018.

Điều 3. Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Y tế, Công thương; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tư pháp (*Cục Kiểm tra văn bản QPPL*);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Báo Kon Tum; Đài PTTH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Chi Cục Văn thư- Lưu trữ tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, NNTN3

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hòa

QUY ĐỊNH

Đối tượng, một số mức chi, mức hỗ trợ từ nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Kon Tum

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 26 /2018/QĐ-UBND ngày 09 tháng năm 2018 của UBND tỉnh Kon Tum)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định đối tượng, một số mức chi, mức hỗ trợ từ nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Kon Tum (sau đây gọi tắt là Chương trình).

2. Mức chi, mức hỗ trợ không quy định trong Quy định này thực hiện theo Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 (sau đây gọi tắt là Thông tư số 43/2017/TT-BTC) và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sử dụng và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình; cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình.

CHƯƠNG II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Quy hoạch xây dựng nông thôn mới cấp xã

1. Đối tượng hỗ trợ: Các tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, quản lý quy hoạch nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

2. Nội dung quy hoạch: Nội dung quy hoạch xây dựng nông thôn mới thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và quy định tại

Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

3. Mức kinh phí quy hoạch cho cấp xã: Thực hiện theo quy định tại điểm k, điểm l khoản 2 và khoản 3 Điều 4 Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

4. Nguồn kinh phí và mức bố trí quy hoạch: Từ nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế của ngân sách cấp huyện, thành phố hàng năm theo phân cấp hiện hành.

Điều 4. Hỗ trợ dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm

1. Đối tượng: Doanh nghiệp (sản xuất, chế biến, kinh doanh), hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, trang trại, hộ gia đình, cá nhân.

2. Nội dung chi, mức chi:

a) Chi hỗ trợ tư vấn xây dựng liên kết; tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật, nâng cao năng lực quản lý, quản trị chuỗi giá trị, phát triển thị trường; hỗ trợ áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ: áp dụng theo điểm a, điểm b, điểm c, khoản 2 Điều 7, Thông tư số 43/2017/TT-BTC.

b) Chi công tác phí: phụ cấp lưu trú, thanh toán tiền thuê phòng ngủ; chi hội nghị, hội thảo, tập huấn, chi giải khát giữa giờ, chi hỗ trợ tiền ăn cho khách mời không hưởng lương: áp dụng theo Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 của HĐND tỉnh quy định mức chi công tác phí, hội thảo, hội nghị.

c) Chi hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối ngân sách, nhưng tối đa không quá 3 vụ/chu kỳ sản xuất, cụ thể:

- Hỗ trợ 100% chi phí mua bao bì, nhãn mác sản phẩm.

- Hỗ trợ 100% chi phí mua giống và các vật tư thiết yếu (phân bón, hóa chất, thức ăn chăn nuôi) ở địa bàn thôn đặc biệt khó khăn (ĐBK), xã khu vực III theo Quyết định 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ; huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ và Quyết định 275/QĐ-TTg ngày 07/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

d) Các khoản chi khác liên quan đến dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm (nếu có) thực hiện theo chế độ quy định hiện hành.

3. Nguồn kinh phí:

a) Nguồn kinh phí sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phân bổ cho các huyện, thành phố và ngân sách cấp tỉnh.

b) Nguồn sự nghiệp kinh tế thuộc ngân sách cấp huyện, thành phố và ngân sách cấp tỉnh.

Điều 5. Mức chi hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn

1. Đối tượng, nội dung Chương trình thực hiện theo Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

2. Nội dung, mức chi cụ thể

a) Chi hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và xử lý môi trường cho các làng nghề, cụm cơ sở ngành nghề nông thôn:

Hỗ trợ bằng 60% tổng mức đầu tư đối với Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và xử lý môi trường cho các làng nghề, cụm cơ sở ngành nghề nông thôn được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 500 triệu đồng/dự án (theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn).

b) Chi hỗ trợ cơ sở ngành nghề nông thôn thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học

Nội dung chi, mức chi thực hiện theo quy định tại Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND ngày 16/5/2016 của UBND tỉnh Ban hành định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

c) Chi hỗ trợ hoạt động khuyến nông, khuyến ngư, khuyến công hỗ trợ cơ sở ngành nghề nông thôn.

Nội dung chi, mức chi thực hiện theo quy định tại: Quyết định số 52/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật một số loại cây trồng trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Thông tư số 183/2010/TTLT-BTC-BNNPTNT ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn chế độ quả lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông; Quyết định số 1288/QĐ-UBND ngày 16/12/2015 của UBND tỉnh về phê duyệt Chương trình khuyến công tỉnh Kon Tum giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND ngày 08/12/2014 của UBND tỉnh ban hành quy chế quản lý kinh phí khuyến công địa phương và quy định mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến công trên địa phương trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

d) Chi hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Nội dung chi, mức chi thực hiện theo quy định tại Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND ngày 13/5/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục nghề đào tạo, mức chi phí đào tạo đối với từng nghề, mức hỗ trợ đối với từng

nhóm đối tượng tham gia học chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

4. Nguồn kinh phí:

a) Nguồn kinh phí sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới phân bổ cho ngân sách cấp huyện, thành phố và ngân sách cấp tỉnh.

b) Nguồn sự nghiệp kinh tế thuộc ngân sách cấp huyện, thành phố và ngân sách cấp tỉnh.

Điều 6. Chi hỗ trợ học phẩm, tài liệu học tập phát triển giáo dục ở nông thôn

1. Chi hỗ trợ học phẩm, tài liệu học tập thực hiện xóa mù chữ và chống tái mù chữ:

a) Đối với các học viên các lớp học xóa mù chữ cấp trung học cơ sở (tính cho 01 học viên/lớp):

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
1	Giấy trắng kẻ hoặc vở thép đóng sẵn	Thếp	10
2	Cặp học sinh	Cái	1
3	Bút mực có sẵn	Cái	10
4	Bút chì đen	Cái	2
5	Hộp chì màu	Hộp	1
6	Tẩy	Cái	1
7	Bộ com pa, thước đo độ	Bộ	1
8	Dao con hoặc kéo	Cái	1
9	Bìa học đóng vở học sinh	Tờ	12
10	Thước kẻ	Cái	1

b) Đối với các lớp học phổ cập, xóa mù chữ ban đêm:

TT	Nội dung	Mức chi hỗ trợ
1	Hỗ trợ kinh phí thấp sáng đối với lớp học phổ cập ban đêm, xóa mù chữ ban đêm	40.000 đồng/lớp/tháng; hỗ trợ theo thời gian thực tế học.
2	Hỗ trợ chi mua sổ sách theo dõi quá trình học tập	
-	Phòng Giáo dục - Đào tạo	300.000 đồng/năm
-	Trường học	200.000 đồng/năm
3	Sách giáo khoa, sách giáo viên dùng chung	01 Bộ/môn học

2. Chi tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp xóa mù chữ. Mức chi: Hỗ trợ người tham gia hoạt động tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ trong độ tuổi 15 - 60 đến lớp xóa mù, mức chi là: 40.000 đồng/học viên đến lớp và hoàn thành chương trình khóa học.

3. Nguồn kinh phí:

a) Nguồn kinh phí sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới phân bổ cho các huyện, thành phố.

b) Nguồn kinh phí sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề thuộc ngân sách cấp huyện, thành phố.

Điều 7. Chi hỗ trợ xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh

1. Đối tượng: Các hộ gia đình (hộ nghèo, cận nghèo và gia đình chính sách); trường học (nhà trẻ, mẫu giáo, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông), trạm y tế xã.

2. Nội dung chi: Hỗ trợ xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp công trình nhà tiêu hợp vệ sinh.

3. Mức chi:

a) Hộ nghèo, hộ gia đình chính sách được ngân sách nhà nước hỗ trợ 70% giá thành nhà tiêu hợp vệ sinh mẫu .

- Hộ cận nghèo được ngân sách nhà nước hỗ trợ 35% giá thành nhà tiêu hợp vệ sinh mẫu.

- Đối với các đối tượng khác (trường học, trạm y tế xã) hỗ trợ 25% giá thành nhà tiêu hợp vệ sinh mẫu.

4. Quy trình xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh mẫu thực hiện theo quy định tại Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 01/6/2018 của UBND tỉnh Phê duyệt và ban hành Hồ sơ thiết kế mẫu nhà tiêu hợp vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh (*quy mô dành cho hộ gia đình*) trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Thực hiện hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật (theo đề xuất, nguyện vọng của đối tượng thụ hưởng), đảm bảo đầy đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.

5. Nguồn kinh phí

a) Nguồn kinh phí sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới phân bổ cho huyện, thành phố.

b) Các chương trình dự án khác triển khai trên địa bàn huyện, thành phố.

Điều 8. Chi hỗ trợ xây dựng chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh

1. Đối tượng hỗ trợ: Hộ nghèo, hộ cận nghèo và gia đình chính sách trên tỉnh Kon Tum.

2. Nội dung chi: Hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo và gia đình chính sách xây dựng chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh (bao gồm thiết bị, dụng cụ, công trình thu gom, xử lý chất thải, vệ sinh thú y và bảo vệ môi trường), góp phần đảm bảo tỷ lệ hộ có chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh đạt chuẩn theo quy định.

3. Mức chi:

a) Hộ nghèo, gia đình chính sách hỗ trợ 70% giá thành chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh.

b) Hộ cận nghèo hỗ trợ 35% giá thành chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh.

4. Quy trình xây dựng chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh thực hiện theo quy định tại Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 01/6/2018 của UBND tỉnh Phê duyệt và ban hành Hồ sơ thiết kế mẫu nhà tiêu hợp vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh (*quy mô dành cho hộ gia đình*) trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Thực hiện hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật (theo đề xuất, nguyện vọng của đối tượng thụ hưởng), đảm bảo đầy đủ hồ sơ thủ tục theo quy định.

5. Nguồn kinh phí

a) Vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới phân bổ cho huyện, thành phố.

b) Sự nghiệp bảo vệ môi trường thuộc ngân sách cấp huyện, thành phố.

c) Các chương trình dự án khác triển khai trên địa bàn huyện, thành phố.

Điều 9. Chi hỗ trợ xử lý chất thải rắn tại hộ gia đình

1. Đối tượng hỗ trợ: Hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình chính sách trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Mức hỗ trợ:

a) Hộ nghèo, gia đình chính sách hỗ trợ một lần: 1.000.000 đồng/01 hộ.

b) Hộ cận nghèo hỗ trợ một lần: 700.000 đồng/01 hộ.

3. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ xây dựng hố rác di động để tự phân loại và xử lý chất thải rắn tại hộ gia đình.

4. Nguồn kinh phí:

a) Kinh phí sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố.

b) Sự nghiệp bảo vệ môi trường cấp huyện, thành phố.

Điều 10. Tập huấn nâng cao năng lực, nhận thức cho cộng đồng và người dân về nông thôn mới; tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng cho cán bộ xây dựng nông thôn mới

1. Đối tượng, thời gian, nội dung tập huấn, bồi dưỡng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 05/2017/TT-BNNPTNT ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Nội dung chi và mức chi:

a) Chi biên soạn chương trình, giáo trình tập huấn: Nội dung và mức chi theo quy định tại Điểm b, Điểm c và Điểm d Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 123/2009/TT-BTC ngày 17/06/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

b) Chi hỗ trợ tiền xăng xe cho học viên không hưởng lương tự túc bằng phương tiện đi lại: Mức hỗ trợ bằng 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm tập huấn (theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

c) Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền ngủ cho học viên không hưởng lương tham gia tập huấn; chi giải khát giữa giờ theo quy định tại điểm 1 khoản I Mục A và khoản I, khoản II Mục B Phụ lục số 01 Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 của HĐND tỉnh.

d) Các nội dung chi khác liên quan tổ chức tập huấn theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Nguồn kinh phí:

Kinh phí sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới phân bổ cho các huyện, thành phố và các Sở, ban, ngành khối tỉnh.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì phối hợp với các Sở ngành liên quan tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình.

b) Hướng dẫn cụ thể về quy trình triển khai thực hiện đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ xây dựng chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh.

2. Sở Xây dựng

a) Chủ trì tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện đối với nội dung quy hoạch.

b) Hướng dẫn cụ thể định mức chi phí lập quy hoạch về điều chỉnh và bổ sung quy hoạch nông thôn mới cấp xã.

c) Theo dõi, hướng dẫn việc áp dụng thực hiện theo thiết kế mẫu, được ban hành tại Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 01/6/2018 của UBND tỉnh phê duyệt

và ban hành Hồ sơ thiết kế mẫu nhà tiêu hợp vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh (*quy mô dành cho hộ gia đình*) trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

3. Sở Y tế

a) Chủ trì tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện đối với nội dung xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh.

c) Hướng dẫn các hộ gia đình, trạm y tế xã xây dựng, sử dụng và bảo quản nhà tiêu hợp vệ sinh theo tiêu chuẩn Bộ Y tế. Tổ chức truyền thông thay đổi hành vi vệ sinh cá nhân có lợi cho sức khỏe.

4. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tổng hợp, tham mưu phân bổ nguồn kinh phí sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu khác; kiểm tra việc cấp phát, quản lý, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ quy định tại Quyết định này.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện đối với nội dung hỗ trợ học phẩm, tài liệu học tập thực hiện xóa mù chữ và chống tái mù chữ.

b) Hướng dẫn việc mở lớp xóa mù chữ và phổ cập giáo dục, quy mô và thời gian hoạt động của các lớp xóa mù chữ.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

b) Chủ trì tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện đối với nội dung thu gom, xử lý chất thải rắn; thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, phân tán; cải tạo cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp.

c) Hướng dẫn thực hiện thu gom, xử lý chất thải rắn tại gia đình.

7. Các Sở, ban, ngành có liên quan trong phạm vi, chức năng nhiệm vụ chỉ đạo thực hiện các quy định tại Quyết định này.

8. UBND các huyện, thành phố (gọi chung là cấp huyện)

a) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của huyện hướng dẫn, hỗ trợ UBND xã thực hiện tốt các nội dung hỗ trợ tại Quyết định này.

b) Tổ chức huy động các nguồn lực và chỉ đạo lồng ghép có hiệu quả các chương trình, dự án trên địa bàn để thực hiện xây dựng nông thôn mới.

c) Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các nội dung được hỗ trợ của UBND các xã và tổ chức nghiệm thu, thanh quyết toán theo quy định và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

d) Chỉ đạo các xã rà soát, bổ sung hoàn chỉnh quy hoạch nông thôn mới cấp xã. Quy hoạch và thúc đẩy phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập

trung theo hướng liên kết chuỗi giá trị phù hợp với định hướng tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh.

đ) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh về kết quả lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các chính sách hỗ trợ theo quy định của Chính phủ, các bộ, ngành trung ương và Quyết định của UBND tỉnh.

9. Trách nhiệm của UBND cấp xã

a) Xây dựng nội dung, dự toán trình UBND cấp huyện phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quyết định phê duyệt của UBND cấp huyện.

b) Công khai về cơ chế thực hiện, mức hỗ trợ, vận động nhân dân đóng góp ngày công lao động, huy động nguồn lực đối ứng để thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch và kế hoạch được duyệt.

c) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các chính sách hỗ trợ thực hiện các dự án đến nhân dân trên địa bàn; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới.

d) Phối hợp với các đoàn thể chính trị xã hội ở địa phương để tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát dự án theo nội dung được phê duyệt.

đ) Cử cán bộ kỹ thuật hướng dẫn, kiểm tra, giám sát trong suốt quá trình thực hiện dự án trên địa bàn xã.

e) Quản lý, sử dụng, thanh quyết toán nguồn kinh phí thực hiện dự án theo quy định. Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND cấp huyện về tổ chức triển khai thực hiện dự án trên địa bàn.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Khi văn bản được viện dẫn trong Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo quy định tương ứng trong các văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế.

2. Quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết. /g

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hòa